

HIỆN TRẠNG RỪNG NĂM 2025 THEO KHU VỰC QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Ba Dinh)

TT	Hạng mục	ĐVT	Tổng	Chia theo chủ quản lý						
				BQLR đặc dụng	BQLR Phòng hộ	TC kinh tế	Hộ gia đình	Cộng đồng dân cư	TC khác (LLVT, KH&CN, ..)	UBND xã
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng		6.910,55		1.940,89		2.564,62	199,10		2.205,94
1	Đặc dụng									
a	Rừng tự nhiên	ha								
b	Rừng trồng	ha								
c	Số cộng đồng vùng đệm	CĐ								
2	Rừng phòng hộ		2.306,15		1.940,89		10,81	126,87		227,58
a	Rừng tự nhiên	ha	1.360,14		1.252,50			107,64		
b	Rừng trồng	ha	946,01		688,39		10,81	19,23		227,58
3	Rừng sản xuất		4.604,40				2.553,81	72,23		1.978,36
a	Rừng tự nhiên	ha	261,03				212,68	47,86		0,49

Biểu số 02:
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số: _____/BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Ba Dinh)

Kèm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Đến 30/6/2026	ƯTH năm 2026	So với KH	So với cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7	8
I	MỤC TIÊU						
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	61,82		61,82		
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp	%/năm					
3	Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản	tỷ USD					
II	CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH						
1	Bảo vệ rừng						
a	Giảm diện tích rừng bị thiệt hại	ha					
-	Do cháy rừng						
-	Do nguyên nhân khác						
b	Giảm số vụ vi phạm các quy định của pháp luật về BV&PTR.	vụ					
2	Trồng rừng tập trung			1.000	1.000		
a	Rừng đặc dụng	ha					
b	Rừng phòng hộ	ha					
	Trong đó rừng phòng hộ ven biển						
c	Rừng sản xuất	ha		571	1.000		
	Trồng mới						
	Trồng lại sau khai thác			571	1.000		
	Trong đó trồng rừng gỗ lớn						

3	<i>Chăm sóc rừng</i>	<i>ha/năm</i>					
4	<i>Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng</i>						
a	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	ha					
	Khoanh nuôi mới						
	Khoanh nuôi chuyển tiếp						
b	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung	ha					
	Khoanh nuôi mới						
	Khoanh nuôi chuyển tiếp	ha					
5	<i>Nuôi dưỡng, làm giàu rừng</i>	<i>ha</i>					
6	<i>Trồng cây phân tán</i>	<i>ha</i>					
7	<i>Năng suất bình quân của rừng trồng khi khai thác chính</i>	<i>m³/ha/năm</i>		100	100		
8	<i>Diện tích rừng gỗ nhỏ chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn</i>	<i>ha</i>					
9	<i>Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát giống</i>	<i>%</i>		70	70		
10	<i>Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (lũy kế)</i>						
a	Rừng tự nhiên	ha					
b	Rừng trồng	ha					
11	<i>Khai thác gỗ</i>			571	1.000		
a	Rừng tự nhiên						
	Khai thác chính	1000 m ³					
	Khai thác tận dụng	1000 m ³					
b	Từ rừng trồng tập trung			571	1.000		
	Diện tích	ha		571	1.000		
	Sản lượng	1000 m ³		57.100	100.000		

c	Từ cây gỗ trồng phân tán	1000 m ³					
d	Từ cao su thanh lý	1000 m ³					
12	Chế biến gỗ và lâm sản			1	1		
a	Số cơ sở chế biến gỗ (nhà máy, xưởng,...)	Cơ sở		1	1		
b	Số nhà máy chế biến gỗ	Nhà máy					
13	Hỗ trợ gạo						
a	Số lượng gạo hỗ trợ (kg)	kg					
b	Số đơn vị, nhân khẩu được hỗ trợ						
-	Số xã được hỗ trợ	xã					
-	Số hộ gia đình được hỗ trợ	hộ					
-	Số khẩu được hỗ trợ	khẩu					
c	Diện tích được hỗ trợ						
-	Bảo vệ rừng	ha					
-	Khoán bảo vệ rừng	ha					
-	Trồng rừng phòng hộ	ha					
-	Trồng rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ	ha					
-	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung	ha					
14	Các hoạt động bảo vệ rừng khác						
a	Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy chữa cháy rừng						
-	Chòi canh lửa (xây dựng mới; cải tạo bổ sung)	chòi					
-	Trạm bảo vệ rừng (xây dựng mới; cải tạo bổ sung)	trạm					
-	Đường ranh cản lửa (xây dựng mới; cải tạo bổ sung)	km					
-	Biển báo cấp độ nguy cơ cháy rừng (xây dựng mới; cải tạo bổ sung)	biển					

-	Hạng mục khác						
b	Xây dựng, cải tạo đường lâm nghiệp	km					
c	Các hoạt động khác						

Biểu số 03:
TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, SỬ DỤNG CÁC NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 206

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm ...	Kết quả huy động vốn				
			Giải ngân đến 30/6/2026			UỶ THỦ giải ngân năm	
			Kết quả	So với KH (%)	So với cùng kỳ (%)	Kết quả	So với KH (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng (I+II+III+IV+V)						
I	Ngân sách nhà nước						
1	Trung ương						
1.1	Đầu tư phát triển						
							
1.2	Sự nghiệp						
a	Thực hiện ND số 58/2024/ND-CP						
b	Thực hiện Nội dung 02, HP2 QĐ 417						
2	Địa phương						
a	Đầu tư phát triển						
							
b	Sự nghiệp						
-	Thực hiện ND số 58/2024/ND-CP						
-	Thực hiện Nội dung 02, HP2 QĐ 417						
II	Vốn ODA						
	Dự án (ghi rõ tên dự án, quyết định phê duyệt)						
							
III	Vốn ngoài ngân sách nhà nước						
1	Vốn FDI						
	Dự án (ghi rõ tên dự án, quyết định phê duyệt)						
							

2	Dịch vụ môi trường rừng						
3	Tín dụng						
4	Vốn hợp pháp khác (Tổ chức, cá nhân tự đầu tư)						

[illegible]

Biểu số
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ I
(các dự án sử dụng vốn

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/điều chỉnh				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026 -2030 được giao		
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	trong đó	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSDP		Thu hồi khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG							
1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021-2025 sang							
	Tên dự án...							
2	Dự án mở mới giai đoạn 2026-2030							
	Tên dự án...							

DỰNG VỐN NSNN NĂM 2026 CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(n đầu tư phát triển)

[illegible]

Biểu số 05:
TỔNG HỢP CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2027

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Ba Đình)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn 2026-2030		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
			Tổng/lũy kế	Bình quân/năm		
1	2	3	4	5	6	7
I	MỤC TIÊU					
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%			61,76	
2	Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp	%/năm				
3	Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản	tỷ USD				
II	CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CHÍNH					
1	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng	1000 ha/năm				
a	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên	1000 ha/năm				
	Khoanh nuôi mới					
	Khoanh nuôi chuyển tiếp					
b	Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung	1000 ha/năm				
	Khoanh nuôi mới					
	Khoanh nuôi chuyển tiếp					
2	Trồng rừng tập trung	1000 ha			1.000	
a	Trồng rừng sản xuất	1000 ha			1.000	
	<i>Trong đó: Trồng rừng gỗ lớn</i>					
b	Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng	1000 ha				
3	Trồng cây phân tán	triệu cây				

4	Chăm sóc rừng	1000 ha/năm				
5	Cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (lũy kế)	1000 ha				
6	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung	1000 m ³			1.000	
7	Thu DVMTR	tỷ đồng				

Biểu số 06:
TỔNG HỢP CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ NHU CẦU VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2027

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 10/7/2026 của UBND xã Ba Dinh)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

a	Số lượng gạo hỗ trợ (kg)																			
b	Số đơn vị, nhân khẩu được hỗ trợ																			
-	Số huyện được hỗ trợ																			
-	Số xã được hỗ trợ																			
-	Số hộ gia đình được hỗ trợ																			
-	Số khẩu được hỗ trợ																			
c	Diện tích được hỗ trợ (ha)																			
-	Bảo vệ rừng																			
-	Khoán bảo vệ rừng																			
-	Trồng rừng phòng hộ																			
-	Trồng rừng sản xuất, LSNG																			
-	KNXTTS tự nhiên có trồng bổ sung																			

Ghi chú:

- (1) Đối với diện tích rừng: Trên cơ sở số liệu công bố hiện trạng rừng của tỉnh, diện tích rừng giao cho các chủ rừng; đối với diện tích rừng của các :
- (2): Mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ; các quy định hiện hành liên quan.